

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hiếu Nhường.

Bà Nguyễn Thu Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông NCB, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Chung cư R, đường B, phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường B, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phùng Trọng N, sinh năm 1991 (theo Giấy ủy quyền ngày 03/6/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Đường B, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022, bản tự khai ngày 03/6/2022, bản tự khai ngày 16/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông NCB, có đại diện theo ủy quyền là ông Phùng Trọng N trình bày:*

Ngày 13/12/2016, ông Nguyễn Hữu T có ký kết Hợp đồng vay với ông NCB, số tiền vay là 800.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng (6%/năm), lãi quá hạn là 1%/tháng (12%/năm), thời hạn vay là từ ngày

13/12/2016 đến ngày 13/12/2019. Đến ngày 09/7/2020, ông Nguyễn Hữu T và ông NCB ký Thỏa thuận thanh toán nợ đối với khoản nợ nêu trên. Theo đó, ông Nguyễn Hữu T thừa nhận nợ ông NCB 800.000.000 đồng và đồng ý thời hạn thanh toán sẽ là ngày 31/8/2020. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, ông Nguyễn Hữu T vẫn chưa thanh toán số tiền này.

Ngoài ra, ngày 01/02/2017, ông Nguyễn Hữu T có ký Hợp đồng vay với ông NCB, số tiền vay là 277.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng (6%/năm), lãi quá hạn là 1%/tháng (12%/năm), thời hạn vay là từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/02/2021. Đối với khoản vay này, tuy đã hết thời hạn thỏa thuận nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn chưa thanh toán cho ông NCB.

Căn cứ vào Điều 3 Hợp đồng đề ngày 13/12/2016 và ngày 01/02/2017, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, ông NCB yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông NCB nợ gốc là 1.077.000.000 (một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu) đồng, lãi gốc là 285.277.500 (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm) đồng và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 01/6/2022 là 267.029.550 (hai trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn năm trăm năm mươi) đồng. Phương thức thanh toán là trả một lần và ngay khi bản án có hiệu lực. Tổng giá trị yêu cầu của ông NCB đối với ông Nguyễn Hữu T tính đến ngày 01/6/2022 là 1.629.307.050 (một tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu ba trăm lẻ bảy nghìn không trăm năm mươi) đồng.

Tại phiên tòa, ông Phùng Trọng N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T trả cho ông NCB số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/01/2023 là 1.597.747.900 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông NCB, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2016, Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/02/2017, Thỏa thuận thanh toán nợ ngày 09/7/2020 thể hiện ông T có vay của ông NCB tổng cộng số tiền vốn 1.077.000.000 đồng. Ông NCB khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử 16/01/2023, nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông NCB và cũng không có căn cứ nào để chứng minh là có trả cho ông NCB tiền vốn hay tiền lãi, do đó yêu cầu khởi kiện của ông NCB là có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên đối với yêu cầu tính lãi quá hạn đối với hai khoản vay của nguyên đơn là vượt quá một ngày, nên đề nghị tính lại cho chính xác.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông NCB căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 13/12/2016 và Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/02/2017 để khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 14/12/2022 là 1.570.480.600 đồng. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Về tố tụng: Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông NCB có quốc tịch Singapore; theo quy định tại khoản 3 và 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Hữu T theo Công văn xác nhận của Công an xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang hiện còn đăng ký thường trú tại ấp B, xã T, huyện C và đã được Tòa án tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, ông N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày đối với yêu cầu tính lãi trên nợ lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ông yêu cầu điều chỉnh tính lại theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và tính lại lãi quá hạn đối với khoản vay 800.000.000 đồng là bắt đầu từ ngày 14/12/2019, đối với khoản vay 277.000.000 đồng là bắt đầu từ ngày 02/02/2021, tổng cộng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/01/2023 là 1.587.380.382 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 13/12/2016, thể hiện ông Nguyễn Hữu T có ký kết Hợp đồng vay với ông NCB, số tiền vay là 800.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng (6%/năm), lãi quá hạn là 1%/tháng (12%/năm), thời hạn vay là từ ngày 13/12/2016 đến ngày 13/12/2019. Đến ngày 09/7/2020, ông Nguyễn Hữu T và ông NCB ký Thỏa thuận thanh toán nợ đối với khoản nợ nêu trên. Theo đó, ông Nguyễn Hữu T thừa nhận nợ ông NCB 800.000.000 đồng và đồng ý thời hạn thanh toán sẽ là ngày 31/8/2020. Ngoài ra, ngày 01/02/2017, ông Nguyễn Hữu T có ký Hợp đồng vay với ông NCB, số tiền vay là 277.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng (6%/năm), lãi quá hạn là 1%/tháng (12%/năm), thời hạn vay là từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/02/2021. Đối với hai khoản vay trên, tuy đã hết thời hạn thỏa thuận nhưng từ khi vay đến nay ông Nguyễn Hữu T vẫn chưa thanh toán cho ông NCB tiền vốn và tiền lãi như thỏa thuận. Trong hợp đồng vay tiền

ngày 13/12/2016, ngày 01/02/2017 và 09/7/2020 có đầy đủ chữ ký và viết họ tên Nguyễn Hữu T.

Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng là tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong các thông báo của Tòa án nói rõ yêu cầu khởi kiện của ông NCB là yêu cầu ông T trả lại số tiền vốn còn nợ, tiền lãi tính đến ngày 14/12/2022 tổng cộng là 1.570.480.600 đồng và tiền lãi, lãi chậm trả cho đến khi nào trả xong nợ, các tài liệu chứng cứ kèm theo là Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2016, Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/02/2017, Thỏa thuận thanh toán nợ ngày 09/7/2020. Nhưng từ khi thụ lý đến khi xét xử ông T không có ý kiến phản đối nào đối với chữ ký của mình tại các hợp đồng và yêu cầu khởi kiện của ông NCB, như vậy là ông T mặc nhiên thừa nhận mình có nợ ông NCB số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 16/01/2023 tổng cộng là 1.587.380.382 đồng theo đúng yêu cầu khởi kiện của ông NCB. Nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Hợp đồng vay tài sản là tiền giữa ông NCB với ông T là hợp đồng có kỳ hạn, nhưng đến hạn ông T không trả vốn và lãi như thỏa thuận, như vậy ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản trả đủ tiền khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ông NCB khởi kiện yêu cầu ông T trả lại số tiền vốn và lãi đến hạn, lãi quá hạn và lãi trên nợ lãi tính đến ngày 16/01/2023 là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể:

- Tiền lãi nợ trong hạn đối với khoản tiền vay 800.000.000 đồng từ ngày 13/12/2016 đến ngày 13/12/2019 với lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng là 123.500.000 đồng.

- Tiền lãi nợ trong hạn đối với khoản tiền vay 277.000.000 đồng từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/02/2021 với lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng là 66.480.000 đồng.

- Tiền lãi nợ quá hạn đối với khoản tiền vay 800.000.000 đồng từ ngày 14/12/2019 đến ngày 16/01/2023 với lãi suất là 0,75%/tháng là 222.000.000 đồng.

- Tiền lãi nợ quá hạn đối với khoản tiền vay 277.000.000 đồng từ ngày 02/2/2021 đến ngày 16/01/2023 với lãi suất là 0,75%/tháng là 47.782.500 đồng.

- Tiền lãi nợ trên nợ lãi 123.500.000 đồng đối với khoản tiền vay 800.000.000 đồng từ ngày 14/12/2019 đến ngày 16/01/2023 với lãi suất là 0,83%/tháng là 37.926.850 đồng.

- Tiền lãi nợ trên nợ lãi 66.480.000 đồng đối với khoản tiền vay 277.000.000 đồng từ ngày 02/2/2021 đến ngày 16/01/2023 với lãi suất là 0,83%/tháng là 12.691.032 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi ông T phải trả cho ông NCB tính đến ngày 16/01/2023 là vốn 1.077.000.000 đồng + tiền lãi 510.380.382 đồng = 1.587.380.382 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu án phí do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 463, 466, 470, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 26, 35, 37, 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NCB.

Buộc ông Nguyễn Hữu T trả cho ông NCB số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/01/2023 là vốn 1.077.000.000 đồng, tiền lãi 510.380.382 đồng, tổng cộng 1.587.380.382 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 59.621.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông NCB 30.439.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000220 ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên